

SỰ TÁC ĐỘNG CỦA TÂN THƯ TRUNG QUỐC ĐỐI VỚI TƯ TƯỞNG PHAN CHÂU TRINH

TRẦN MAI ƯỚC

Tóm tắt

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, tình hình thế giới có nhiều biến đổi, đặc biệt là ở các nước châu Á, trong đó có Trung Quốc. Cuộc đụng độ giữa chế độ phong kiến và chủ nghĩa tư bản đã biến Trung Quốc thành một nước thuộc địa nửa phong kiến, làm cho xã hội Trung Quốc có sự biến đổi sâu sắc. Tân thư xuất hiện ở Trung Quốc từ nửa cuối thế kỷ XIX, gắn liền với các nhà cải cách Trung Quốc lúc bấy giờ, đã có sức ảnh hưởng rất lớn, góp phần nâng cao tầm vóc tư duy lý luận, đặc biệt là tư duy lý luận chính trị, tạo nên bước chuyển biến tư tưởng chính trị của một số nhà yêu nước Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, trong đó có chí sĩ yêu nước nhiệt thành Phan Châu Trinh.

Giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là một giai đoạn có nhiều sự kiện và bước chuyển biến lịch sử quan trọng, tác động mạnh mẽ đến quá trình phát triển tư tưởng Việt Nam. Chủ nghĩa tư bản ở phương Tây phát triển mạnh mẽ, đẩy lùi chế độ phong kiến vào quá khứ. Phong trào cách mạng vô sản, đặc biệt là cuộc cách mạng vô sản Nga cùng với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước Đông Nam Á phát triển. Các cuộc xâm lược của thực dân đã tác động lớn đến độc lập của nhiều nước trên thế giới, trong đó có Trung Quốc cùng các quốc gia khác ở phương Đông. “Tân thư” xuất hiện ở Trung Quốc từ nửa cuối thế kỷ XIX, gắn liền với các nhà cải cách Trung Quốc lúc bấy giờ, đã có sức ảnh hưởng rất lớn, góp phần chuyển biến tư tưởng chính trị của một số nhà yêu nước Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, trong đó có chí sĩ yêu nước nhiệt thành Phan Châu Trinh.

*

* *

Chúng ta biết rằng, Trung Quốc vào thời kỳ Mãn Thanh, kinh tế, chính trị, xã hội đi vào con đường suy thoái. Triều đình Mãn Thanh cố tình duy trì sự bảo thủ, lạc hậu nhân danh tiên đế Mãn Triều, không chịu duy tân, cải cách xứ sở. Trung Quốc trở nên suy yếu, bị Nhật và các nước đế quốc Âu

– Mỹ xâm lược: Pháp có tô giới ở Quảng Châu và Thượng Hải, Pháp còn dòm ngó và dự định “nuốt” ba tỉnh Hoa Nam giáp với Đông Dương là Quảng Đông, Quảng Tây và Vân Nam; Nga có ảnh hưởng lớn tại vùng Đông Bắc; Anh cũng có tô giới ở Trung Quốc. Có thể nói rằng, cuộc đụng độ giữa chế độ phong kiến và chủ nghĩa tư bản phương Tây đã biến Trung Quốc thành một nước thuộc địa nửa phong kiến và ngày càng rơi vào cảnh bị các nước xâm lược. Tình hình đó ngày càng làm cho xã hội Trung Quốc có sự biến đổi sâu sắc, thể hiện trên các mặt đời sống kinh tế, xã hội, chính trị. Trước thảm cảnh “một cổ hai tròng”, cuối thế kỷ XIX, nhiều nhà tư tưởng tiên bộ lúc bấy giờ, với “Tân thư”, đã đề xuất chủ trương duy tân, cải cách nhằm làm thay đổi hiện thực thối nát của xã hội Trung Quốc.

“Tân thư” là một danh từ khá bao quát, dùng để chỉ các sách báo chứa đựng kiến thức mới. “Tân thư” mang lại cho các nhà nho học những kiến thức mới về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, phần lớn dịch ra chữ Hán từ sách báo phương Tây, hoặc dịch qua tiếng Nhật, có khi chỉ dịch tóm tắt, lấy những nội dung chính, mục đích là giới thiệu văn hóa phương Tây mà bắt chước, đổi mới. Những “Tân thư” như vậy xuất hiện ở Trung Quốc từ nửa cuối thế kỷ XIX, đi liền với tên tuổi các nhà cải cách lúc bấy giờ. Sau chiến tranh Trung – Nhật, các nước đế quốc bắt đầu thực hiện âm mưu chia cắt Trung Quốc, trước tình thế này, nguy cơ mất nước của nhân dân Trung Quốc ngày càng rõ nét. Lúc bấy giờ, Khang Hưu Vi (1858 - 1927), Lương Khải Siêu (1873 - 1929), Đàm Tự Đồng (1869 - 1898), Nghiêm Phục (1853 - 1924) hô hào chống Pháp, do đó dẫn đến cuộc chính biến Mậu Tuất năm 1898. Có thể nói rằng, trong số các nhà cải cách Trung Quốc, Lương Khải Siêu là người có ảnh hưởng lớn nhất đối với các nhà nho Việt Nam hồi đầu thế kỷ. Hầu hết các nhà nho Việt Nam yêu nước trong các phong trào Duy Tân, Đông Du, Đông kinh nghĩa thực đều đã ít nhiều được “khai tâm” bằng những tác phẩm đầy nhiệt huyết của Lương Khải Siêu, trong đó có chí sĩ Phan Châu Trinh.

Đối với các nhà nho Việt Nam yêu nước hồi đầu thế kỷ XX, trong đó có Phan Châu Trinh, với khát khao giải thích nhiều vấn đề có liên quan đến sự nghiệp giải phóng dân tộc, thì “Tân thư” đã có sức hút mãnh liệt. Niềm say mê “Tân thư” còn được kích thích bởi tấm gương duy tân của nước Nhật “đồng văn đồng chủng”, và bởi các sự kiện trên thế giới lúc bấy giờ như: cuộc chính biến năm 1898 ở Trung Quốc, cuộc chiến tranh Nhật – Nga năm 1905, cuộc cách mạng Tân Hợi năm 1911. Cũng như các nhà nho yêu nước khác lúc bấy giờ, Phan Châu Trinh “kết” “Tân thư” không phải là để thỏa mãn lòng yêu thích cái mới lạ, mà để tìm phương sách giải quyết vấn đề dân

tộc. Phan Châu Trinh đã vận dụng các học thuyết mà cụ tiếp thu được từ “Tân Thư” vào sự nghiệp cứu nước. Hoàn cảnh lúc bấy giờ, tình hình Việt Nam có chỗ giống nhưng cũng có nhiều điểm khác tình hình Trung Quốc, do vậy, bản thân Phan Châu Trinh và các chí sĩ yêu nước khác lúc bấy giờ đã không áp dụng máy móc theo “*khuôn mẫu*” những trào lưu duy tân của Trung Quốc, mặc dù bề ngoài chúng ta thấy có những hoạt động tương tự giống nhau. Ở Trung Quốc, phong trào duy tân có tính chất hợp pháp và được tiến hành công khai, theo trình tự, nhưng vì được nhà vua cầm đầu, do vậy các phong trào này thường mang tính chất “bảo hoàng” trong khi lại đề xướng những cải cách có tính chất tư sản. Còn tại Việt Nam, tình hình có sự khác biệt. Là một nước thuộc địa và nửa phong kiến, chính quyền thực dân và triều đình phong kiến (tay sai của nó) ra sức ngăn chặn những ảnh hưởng của “Tân thư”, đàn áp đẫm máu mọi phong trào yêu nước. Mặt khác, những người có tư tưởng duy tân đều là những nhà yêu nước nhiệt thành, bản thân họ không phải là quan lại trong triều đình. Do vậy, phong trào duy tân là một phong trào cách mạng, bất hợp pháp và có tính chất quần chúng rộng rãi.

Do ảnh hưởng của “Tân thư”, trong những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, ở nước ta đã dấy lên một phong trào duy tân giống phong trào duy tân ở Trung Quốc. Phong trào này nhìn chung rất đa dạng và phong phú, tuy nhiên có thể nhận thấy rõ nét ở những điểm cơ bản sau trong tư tưởng của Phan Châu Trinh:

1. *Biện pháp giáo dân* là mở các trường học, dạy kiến thức mới, chống lại lối học của nhà trường Nho giáo, giáo dục lòng yêu nước, nghĩa hiệp và đạo đức công dân. Thực hiện biện pháp này, từ năm 1906 đến năm 1908 trở đi, tại nhiều nơi trên đất nước đã mọc lên hàng loạt trường mang tên Đông Kinh nghĩa thực. Nhà trường tổ chức thành bốn ban công tác: ban giáo dục, ban tài chính, ban cổ động và ban tu thư, các ban này có quan hệ mật thiết với nhau. Với hình thức tổ chức một cách hợp pháp, trường đã đẩy mạnh hoạt động trên khắp các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, tư tưởng, kinh tế, vì thế nhà trường không chỉ bó hẹp trong việc dạy văn hóa, mà còn tạo dựng phong trào, góp phần quan trọng thúc đẩy cách mạng giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XX. Những người sáng lập và hoạt động sôi nổi trong phong trào Đông Kinh nghĩa thực ở ngoài Bắc mà chúng ta có thể kể tới là Lương Văn Can, Nguyễn Thượng Hiền, Dương Bá Trạc, Vũ Hoành.., còn trong Nam là Ngô Đức Kế, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Châu Trinh... Như vậy, nếu xét về ảnh hưởng, “Tân thư” trong giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã dấy lên ở nước ta một phong trào duy tân, với việc đầu tiên là giáo dân, điều này, xét trong một khía cạnh nào đó thì rất gần với tư tưởng

“Khai dân trí” của Phan Châu Trinh khi ông cho rằng cần chú trọng đến việc mở mang trí tuệ cho dân, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước bằng cách tổ chức các trường dạy học theo lối mới: hướng tới kiến thức khoa học kỹ thuật, bỏ lối học nhồi sọ chỉ chăm khoa cử, bài trừ hủ tục, chống mê tín dị đoan, xây dựng học vấn, văn hóa tiến bộ, xây dựng con người toàn diện thích ứng với cuộc sống văn minh. Là một nhà nho, Phan Châu Trinh khác với những người đương thời ở chỗ ông dám mạnh dạn phê phán, đả kích những giá trị của Nho học cũ (5, 229). Phan Châu Trinh khát vọng một cuộc cải cách nâng cao dân trí, mở mang công nghệ, giảm bớt thuế má cho dân. Phan Châu Trinh và một số nhà trí thức lúc đó đã thấy rõ ở nước ta trình độ dân trí còn kém, văn hóa không đuổi kịp nhiều nước khác, nền kinh tế thì lạc hậu, nghèo nàn.

Vốn là người nổi tiếng thông minh, ông muốn dùng tài trí của mình để cứu vớt giang sơn đang chìm đắm trong cảnh nô lệ. Nhưng sau khi được bổ nhiệm làm quan, ông thấy rằng, việc khoa cử cũng chỉ là kiểm chức quan nhằm “vinh thân phì gia” mà thôi, chứ không thể thực hiện được mục đích. Đối với chế độ phong kiến, sau khi trực tiếp nhìn nhận, Phan Châu Trinh kịch liệt lên án sự thối nát, mục ruỗng, nhu nhược. Quyền lực chính trị bị rơi vào tay thực dân Pháp, bộ máy của chế độ phong kiến trở thành bù nhìn. Khác với những nhà cách mạng khác, Phan Châu Trinh đã nhận thức được nguyên nhân căn bản dẫn tới Việt Nam bị thực dân Pháp xâm lược. Đó là do dân tộc chúng ta đã tụt hậu về mặt tri thức so với các dân tộc khác hàng thế kỷ, hay nói cách khác, Việt Nam đã đi sau các dân tộc phương Tây một thời đại: Khi Việt Nam còn ở nền kinh tế nông nghiệp thì các nước phương Tây đã làm kinh tế công nghiệp và đang tiến nhanh lên kinh tế tri thức.

Phan Châu Trinh nhận ra rằng, công cuộc toàn cầu hóa lần thứ nhất đang làm rung chuyển dữ dội thế giới, thế nhưng người dân Việt Nam vẫn ở trong ốc đảo và hoàn toàn mù thông tin về thế giới xung quanh, chúng ta thua là điều tất yếu. Muốn cứu dân tộc, không còn con đường nào khác là phải đuổi kịp về mặt tri thức đối với các dân tộc khác, đưa dân tộc lên ngang tầm thời đại với các dân tộc khác. Chỉ khi đó, chúng ta mới có thể cùng sinh tồn và cạnh tranh với họ. Phan Châu Trinh đã thấy được rất xa là phát triển dân tộc quan trọng không kém độc lập dân tộc. Nếu có độc lập dân tộc mà người dân bị bùng bít thông tin, ngu muội so với các dân tộc khác thì sớm hay muộn, chúng ta sẽ lại bị phụ thuộc hoàn toàn vào ngoại bang. Từ quan điểm đó, Phan Châu Trinh đã cùng với hai người bạn tâm huyết nhất của mình là Trần Quý Cáp và Huỳnh Thúc Kháng, còn được gọi là “bộ ba Quảng Nam”, phát động phong trào Duy tân vào năm 1906. Phong trào Duy

Tân chủ trương chấn hưng cổ học, tăng cường việc học thực nghiệm, nhất là đề cao chữ quốc ngữ. Để mở mang dân trí, phải tiến hành học thực dụng, cốt để phục vụ cuộc sống dân sinh chứ không phải là học thơ văn, phù phiếm của người xưa.. Trong bối cảnh đất nước bế tắc về con đường cách mạng, Phan Châu Trinh không như một số Nhà nho thanh liêm về quê ở ẩn mà ông luôn trăn trở đi tìm con đường cách mạng cho dân tộc. Tư tưởng khai dân trí thực sự làm cho dân tộc thay đổi tư duy cũ kỹ để vươn lên tầm nhận thức mới cao hơn, phù hợp hơn với sự phát triển của thời đại.

2. *Biện pháp dưỡng dân* (làm cho dân giàu có) là mở mang công thương nghiệp và cổ động dùng hàng nội hóa. Trong phong trào này, các nhà nho, trước kia từng bị cầm tù trong các tư tưởng coi khinh công thương nghiệp của Nho giáo, nay đứng ra lập các hiệu buôn, các công ty công nghiệp và các “nông hội”. Điều này, Phan Châu Trinh cũng đã thể hiện rõ trong tư tưởng “Hậu dân sinh ” của mình. Cũng như mọi thức giả đương thời, Phan Châu Trinh cho rằng “ai nắm việc thương mại thì nắm được thế giới” (Qui tient le commerce tient le monde) (2, 37), do đó ông chủ trương phát triển kinh doanh, lập các hiệu buôn, mở mang thương nghiệp, dạy cho dân có nghề nghiệp sinh nhai, lập các hội khai hoang, mở mang đồn điền cho hết địa lợi. Nếu mỗi lợi làm không đủ sức thì xin chính phủ trợ cấp. Ông đặc biệt lên án bọn tham quan ô lại, gọi chúng là những bọn “ăn cướp có giấy phép”, đối với những người có đầu óc thực nghiệp thì ông lại đề cao. Ông cho rằng, ở trên đời ai muốn phú quý phong lưu không túi với lương tâm thì phải ra đi buôn bán hoặc làm ruộng sinh nhai. Đây là công việc sang trọng và được nhiều lời mà không phạm tội ăn tiền hối lộ của quốc dân. Trong nhiều bài nói chuyện, ông căn dặn mọi người: “nếu muốn làm giàu cho được vẻ vang thì chỉ làm ông chủ hiệu, ông chủ đồn điền là ai trông thấy cũng có cảm tình, trong dạ người ta ai cũng yên trí rằng là người này đã làm ăn khó nhọc, đổ bát máu mà lấy được bát cơm đây. Chứ làm quan làm lại dẫu cho ngực mề đầy, thân áo gấm, đường bệ oai phong gặp ai không những người ta cho mình là quân một dân, quân ăn cướp, chẳng thể sao lương chú ít ỏi mà chú giàu sang? rồi tự mình cũng bền lền với người ta” (2, 37).

Theo Phan Châu Trinh, một dân tộc muốn phát triển kinh tế phải tiến hành phát triển ngành nghề nhằm tạo ra nhiều sản phẩm phục vụ đời sống xã hội (4, 64). Đặc biệt, trong quá trình giao lưu với văn minh phương Tây, cũng như khi đọc những bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ, Phan Châu Trinh rất tâm đắc đề nghị của Nguyễn Trường Tộ với nhà vua là cần phải nhanh chóng cho người sang phương Tây học nghề. Trong bài diễn thuyết tại Sài Gòn (1925) có đoạn ông nói: “Cũng có người học hành như Nguyễn

Trường Tô khuyên vua dạo qua bên Tây xem xét cái văn minh của họ, rồi cho người qua học...” (1, 807). Việc mở mang ngành nghề với mục đích phát triển kinh tế là một trong những nội dung Phan Châu Trinh rất quan tâm. Tính chất nền kinh tế mà Phan Châu Trinh quan niệm không phải là kinh tế tự cung, tự cấp mà là nền kinh tế hàng hóa. Nền sản xuất ấy phải giao lưu với nước ngoài, phải đảm bảo nhiều hàng hóa phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu để tạo ra sự tích lũy cho nền kinh tế. Phan Châu Trinh đã nhận thức được vai trò của việc phát triển nghề nghiệp cho phát triển kinh tế xã hội nói chung. Ông đặt ra chương trình tự lập các hội trồng cây, dệt vải, hội buôn, các cơ sở sản xuất hàng hóa, buôn bán hàng nội nhằm phục vụ và chấn hưng nền sản xuất của đất nước. Đây có thể nói là một phát hiện mới góp phần tạo ra những chuyển biến tích cực trong xã hội. Theo ông, muốn phát triển kinh tế đất nước, phải chú trọng đẩy mạnh phát triển các ngành công thương, đồng thời cải tạo nông nghiệp, khai khẩn đất đai đưa vào sản xuất nông nghiệp, mở rộng giao lưu kinh tế với các nước láng giềng. Bản thân Phan Châu Trinh cũng tích cực tham gia hoạt động thực tiễn trong phong trào sản xuất, phát triển nghề nghiệp, ông là người đã trực tiếp tự học nghề làm đồi mỗi khi bị đày ở Côn Đảo (1908-1910), tự học làm nghề rửa ảnh khi ở Pari... Như vậy, ở Phan Châu Trinh, tư tưởng và hành động có sự thống nhất, đó là sự coi trọng phát triển nghề nghiệp. Ông đã nhận thấy: sức mạnh phục hưng độc lập dân tộc là phụ thuộc vào sức mạnh chấn hưng nghề nghiệp, nâng cao tiềm lực kinh tế, tài chính của đất nước. Bên cạnh đó, Phan Châu Trinh còn kêu gọi mọi người phải thay đổi các phong tục, lối sống sinh hoạt cho phù hợp với lối sống mới, từ đó tạo ra sự đổi thay trong lề lối, nếp sống của xã hội ta lúc bấy giờ. Như vậy, ông đã vượt lên, phá bỏ những khuôn mẫu của đời sống cũ, lạc hậu, chuẩn bị mở đường cho lối sống mới tiến bộ hơn. Do đó, tư tưởng và những hoạt động của Phan Châu Trinh có ý nghĩa phê phán lề thói, tập tục cổ hủ, đi đến xác lập một phong cách mới mang màu sắc của văn minh, tiến bộ và nhân đạo.

Qua quan điểm của Phan Châu Trinh, chúng ta thấy, ông là người có tầm nhìn mang tính chất hiện đại, các nhà tư tưởng canh tân, kể cả cụ Phan Bội Châu chỉ nhìn sự phát triển kinh tế đất nước một cách chung chung với mục đích nâng cao đời sống nhân dân. Còn Phan Châu Trinh quan niệm kinh tế nước nhà phải là nền kinh tế hàng hóa. Bên cạnh đó, để phát triển, nâng cao đời sống nhân dân, ông đề cập hàng loạt vấn đề như phải đoàn kết, lập hội buôn bán, học nghề, xây dựng lối sống giản dị, lành mạnh, chống mê tín, dị đoan, cải tiến kỹ thuật, tổ chức y tế, giáo dục... phục vụ đời sống nhân dân. (1, 123-149).

Mục đích muốn cho dân được no ấm, cải thiện đời sống cho dân đã ảnh hưởng to lớn đến cách thức tổ chức hoạt động phong trào yêu nước của Phan Châu Trinh và đặt biệt ảnh hưởng đến cách thức của trường “Đông Kinh Nghĩa Thực”.

3. *Biện pháp tân dân* (làm cho dân đổi mới) là tuyên truyền cổ động bài bác “hủ nho”, thực hiện các phong tục “Thái Tây”, dùng chữ quốc ngữ, tuyên truyền cổ động lòng yêu nước, nghĩa đồng bào và các tiêu chuẩn đạo đức. Chịu ảnh hưởng từ “Tân thư”, Phan Châu Trinh cho rằng, trước hết phải thức tỉnh lòng yêu nước và nhuệ khí đấu tranh trong đồng bào đang bị vùi dập đến cùng cực dưới chế độ thực dân phong kiến. Chủ trương “chấn dân khí” của Phan Châu Trinh là làm cho mọi người thức tỉnh tinh thần tự lực, tự cường, giác ngộ quyền lợi của mình tự giải thoát khỏi sự kìm kẹp của chế độ quân chủ chuyên chế. Sự trì trệ, suy vong của dân tộc không phải từ bản chất của dân tộc ta kém cỏi. Từ buổi đầu lịch sử, dân tộc ta đã có hàng nghìn năm xây dựng quốc gia độc lập, có chủ quyền, có nền văn hóa ổn định và bền vững. Sự kém cỏi của dân tộc ta chính là do một phần chúng ta không tự lực, tự cường, không chịu học hỏi, làm mất đi cái hào khí, cái sức mạnh truyền thống mấy ngàn năm của dân tộc. Phan Châu Trinh khảo cứu lịch sử nước nhà và đi đến kết luận: “Lấy lịch sử mà nói thì dân tộc Việt Nam không phải là một dân tộc hèn hạ, mà cũng không phải là một dân tộc không thông minh, thế thì vì lẽ nào ở dưới quyền bảo hộ hơn 60 năm nay mà vẫn còn mê mê muội muội, bịt mắt vót tai không chịu xem xét, không chịu học hỏi lấy cái hay cái khéo của người” (1, 787).

Ở đây, chúng ta thấy có sự đồng điệu của các tư tưởng lớn, Phan Bội Châu cho rằng giáo dục là “sinh mệnh của quốc dân”, Hồ Chí Minh cho rằng “một dân tộc dốt là một dân tộc yếu” (4, 8). Tư tưởng chấn dân khí của Phan Châu Trinh thể hiện tính cách mạng nhằm phục hưng truyền thống hào hùng của dân tộc. Chế độ thực dân phong kiến đã làm cho dân mê muội trong sự an phận, xa lánh chính trị. Phan Châu Trinh viết: “Còn nó sợ dân biết chính trị nhiều thì nó lại sinh ra cách mạng, cho nên nó cấm học trò và dân không được nói đến chính trị” (1, 805). Vì thế, nhiệm vụ của cách mạng dân chủ tư sản mà Phan Châu Trinh đề xướng phải khơi dậy tinh thần dân tộc. Ông đã viết *Tỉnh quốc hồn ca I* và *Tỉnh quốc hồn ca II* nhằm khích lệ nhân dân trong nước mau tỉnh ngộ, học tập những giá trị văn minh phương Tây để chấn hưng đất nước.

Phan Châu Trinh, với một nhãn quan sắc sảo, hiểu rằng muốn chấn hưng dân tộc, khôi phục được độc lập tự do, trước hết phải tăng cường nội

lực, phải vạch ra những thiếu sót của nền văn minh cũ, phải hướng tới những giá trị nhân đạo, dân chủ văn minh mới. Vì vậy, trong thơ văn của mình Phan Châu Trinh để lại rất nhiều dòng phê phán thói hư tật xấu của người Việt Nam, từ đó đặt hy vọng dân tộc mình sửa đổi, vươn lên, phấn đấu, tự lực tự cường để được vẻ vang bằng các dân tộc liệt cường trên thế giới.

Trở lại tình hình nước ta lúc bấy giờ, dân khí đang suy nhược vì bị áp bức bóc lột nặng nề, phải làm cho dân khí cường thịnh lên mà cơ sở của sự cường thịnh đó trước hết là phải nhờ ở tăng trưởng kinh tế, phát triển lực lượng sản xuất. Phan Châu Trinh đã cổ vũ cho việc phát triển công (thủ công), thương nghiệp...; cổ vũ cho việc phát triển các ngành nghề truyền thống phục vụ nhân sinh và xuất khẩu. Đặc biệt, ông cổ vũ cho việc buôn bán lớn và dùng hàng nội hóa, mở rộng thương trường trong nước, đẩy mạnh ngoại thương, lập các hội buôn. Theo lời hô hào của các sĩ phu cải cách, tại Quảng Nam, trung tâm của phong trào Duy Tân, xuất hiện nhiều hiệu buôn như: Quảng Nam hiệp thương công ty do Nguyễn Quyền quản lý với vốn hơn 20 vạn đồng; ở Nghệ An, Ngô Đức Kế lập ra Triệu Dương thương quán; công ty Liên Thành ở Phan Thiết chuyên kinh doanh nước mắm. Muốn “chấn dân khí”, còn phải nâng cao dân quyền. Phan Châu Trinh là người tiêu biểu nhất cho việc đòi hỏi dân quyền ở Việt Nam đầu thế kỷ XX... Hiệu quả đạt được về mặt này không phải là nhỏ. Cao trào đấu tranh của hàng vạn người tham gia chống thuế, mở rộng nhân quyền, cải thiện dân sinh... đã diễn ra. Bên cạnh việc nâng cao dân quyền, cần phải giáo dục cho quần chúng nhân dân ý thức về quyền lợi và nghĩa vụ của chính họ, làm cho họ xác định được vị trí của bản thân và của dân tộc trong thời đại mới. Việc giáo dục ý thức dân quyền phải được tổ chức qua những bước như sau: *thứ nhất*, đó là người dân ý thức được mình trong tương quan với đất nước, với sự phục hưng dân tộc, ý thức được mình phải có tư cách quốc dân, phải tự lực, tự cường, tự miễn; *thứ hai*, tư tưởng dân quyền được đưa ra phải khiến cho dân ý thức được trách nhiệm của họ trong việc đứng ra gánh vác việc chung, ý thức được quyền cử ra những người đại diện cho quyền lợi của mình. Người được dân bầu ra phải ý thức được mình là đại diện cho dân cho nước; *thứ ba*, người dân phải được tự do lập hội làm ăn, buôn bán, dệt vải, nuôi tằm, trồng cây, làm ruộng và về phía nhà cầm quyền phải bỏ áp bức bóc lột bất công, bỏ sưu cao thuế nặng; *thứ tư*, Phan Châu Trinh đã đưa đến cho nhân dân ý thức về quyền dân được mở mang trí tuệ như tự do học tập, tự do đọc sách báo tiến bộ, xóa bỏ tập quán, phong tục lạc hậu, xây dựng lối sống văn hóa, văn minh; *thứ năm*, ông đưa ra hình mẫu người dân thời đại mới (tân dân), đó là những người dám từ bỏ nhân sinh quan lạc hậu, có ý thức và biết cách thực hiện quyền được học tập, suy nghĩ, mưu sinh và muốn

vậy trước hết dân phải được giáo dục, nâng cao “dân trí”, từ đó “chấn dân khí” và “hậu dân sinh”.

Nội dung dân quyền dân chủ mới mới chỉ đặt ra ở mức đó. Những vấn đề về thể chế chính trị, chủ quyền còn chưa được đặt ra. Sở dĩ như vậy là do lúc đó thực dân Pháp đã thống trị hoàn toàn đất nước, chưa thể có điều kiện để đặt vấn đề đấu tranh quyết liệt giành lại chính quyền theo kiểu cách mạng tư sản. Các nước láng giềng của chúng ta như Philipin, Indônêxia, Trung Quốc, Triều Tiên... cũng có hiện tượng chủ trương đấu tranh bằng con đường cải cách ôn hòa, công khai hợp pháp như vậy. Ở các nước này cũng có hiện tượng thiếu một giai cấp tư sản lớn mạnh để đảm nhận sứ mạng phát triển chủ nghĩa tư bản ở nước họ. Lúc này, về cơ bản, những nước đó là những nước Phương Đông có chế độ chuyên chế. Từ trước tới nay với sức ỳ của nó, việc đặt ra chính thể kiểu phương Tây chưa thể nào thực hiện được.

Từ nội dung đến hình thức, phong trào nhân quyền và dân quyền thể hiện rõ ảnh hưởng của cuộc vận động Duy Tân ở Trung Kỳ. Có thể nói Phan Châu Trinh và các sĩ phu tiên bộ đã châm ngòi cho phong trào. Nhưng khi phong trào đã đi vào quần chúng nông dân (đang phải chịu cảnh lầm than, cơ cực dưới chế độ thực dân phong kiến) thì phong trào quần chúng vượt qua những hạn chế của các sĩ phu. Công cuộc đấu tranh đã gây được tiếng vang quốc tế, có ảnh hưởng sâu rộng, góp phần tác động tới những người có tinh thần tiên bộ vì quyền con người trên thế giới. Chính Phan Chu Trinh thoát nạn tử hình cũng nhờ hội nhân quyền Pháp đấu tranh để giải thoát.

*

* *

Có thể nói rằng, phong trào “Tân thư” cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX ở Trung Quốc ảnh hưởng vào nước ta đã cung cấp lượng tri thức đồ sộ trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, từ đó làm thay đổi nhận thức nói chung và nhận thức chính trị nói riêng. Tư tưởng “Tân thư” đã góp phần nâng cao tầm vóc tư duy lý luận, đặc biệt là tư duy lý luận chính trị của Phan Châu Trinh và các nhà tư tưởng Việt Nam lúc bấy giờ, tư tưởng “Tân thư” lên án cái bảo thủ, lạc hậu của chế độ quân chủ, ca ngợi cái hay, cái tốt của chế độ dân chủ tư sản cho nên đã hướng các nhà tư tưởng chính trị, trong đó có Phan Châu Trinh, lựa chọn đi theo con đường cách mạng dân chủ tư sản. Những bài học quý giá từ các sách báo của Trung Quốc về cuộc canh tân đã đặt vấn đề cho các nhà tư tưởng nước ta là cần phải làm như thế nào để đổi

mới, phát triển đất nước. Từ công cuộc đổi mới và hội nhập hiện nay, chúng ta nhìn nhận lại bối cảnh lịch sử và những nội dung canh tân đất nước lúc bấy giờ lại càng khâm phục những nhà tư tưởng lớn, đầy nhiệt thành, tâm huyết, trăn trở cùng vận mệnh của dân tộc./.

T.M.U'

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Dương, *Tuyển tập Phan Châu Trinh*, Nxb Đà Nẵng, 1995.
2. Hà Văn Tấn, *Từ một cột kinh Phật năm 973 vừa phát hiện ở Hoa Lư*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, Số 76, 1965.
3. ThS. Trần Mai Uớc, *Tư tưởng chính trị cơ bản của Phan Châu Trinh và những bài học lịch sử đối với công cuộc đổi mới hiện nay*, Đề tài NCKH cấp khoa, Trường Đại học ngân hàng Tp. HCM năm học 2010 – 2011
4. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
5. Trần Mai Uớc, PGS.TS, Trương Văn Chung, PGS.TS, Doãn Chính (đồng chủ biên), *Những tư tưởng đổi mới về văn hóa- đạo đức của Phan Châu Trinh, trong Bước chuyển tư tưởng Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX* Nxb CTQG, Hà Nội, 2005.